TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-4-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh

2. Ông Mai Trần Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 890/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1968

Địa chỉ: tổ 2, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Tạm trú: tổ 2, ấp B, xã M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970

Địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2018 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, anh Nguyễn Văn M (nguyên đơn) trình bày*:*

Anh và chị N chung sống với nhau vào năm 1988, có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2006 tại UBND xã B, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tôi bị bệnh nặng bệnh nhiều thứ nhưng vợ không quan tâm chăm sóc, vợ kể lể với người khác tiền chi phí bệnh cho tôi trong

khi đó tôi bán đất của cha mẹ tôi để trị bệnh không phải bán tài sản chung của vợ chồng, từ đó mất lòng tin về tiền bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân đã 06 năm nay không còn khả năng hàn gắng lại được nữa. Tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu thành, tỉnh Tây Ninh xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với chị N. Tại phiên tòa tôi vẫn giữ quan điểm của mình là xin ly hôn đối với chị N.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 13/11/1989, Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/4/1992, Nguyễn Thanh P, sinh ngày 18/12/2005, C và T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn P theo ai thì người đó nuôi, theo vợ nuôi tôi không cấp dưỡng vì tôi bệnh không làm ra tiền.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có

Về án phí: Tôi đồng ý chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*** Chị Nguyễn Thị N – bị đơn trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân**:** Tôi và anh M chung sống với nhau vào năm 1988, có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2006 tại UBND xã B, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân: Do chồng tôi bệnh ung thư máu, sơ gan, lá lách, anh mới về nhà mẹ chồng ở ấp B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh sống, thỉnh thoảng tôi đến nhà thăm nhưng anh M không cho vào nhà do đó tôi không thể trực tiếp chăm sóc cho anh M, nay anh M yêu cầu ly hôn với tôi, tôi không đồng ý tôi yêu cầu chờ con tôi T chấp hành án phạt tù xong về rồi giải quyết.

Về con chung: Có 03 con là Nguyễn Văn C, sinh ngày 13/11/1989, Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/4/1992, Nguyễn Thanh P, sinh ngày 18/12/2005, do không đồng ý ly hôn nên tôi không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ của vụ án: 01 đơn khởi kiện ghi ngày 01/12/2018; Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao CMND-HKTT; Bản sao Trích lục khai sinh con; Tờ khai cấp bản saoTrích lục hộ tịch; Bản sao giấy khai sinh con; Bản chính đơn xin xác nhận thường trú.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326 về án phí lệ phí: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị N. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 18/12/2005 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai cháu Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Vợ nợ chung: Không có không giải quyết.

Anh M chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh M chị N chung sống với nhau vào năm 1988, có đăng ký kết hôn 25/4/2006 tại UBND xã B, thị xã T, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh M xác định anh và chị N sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mất lòng tin về tiền bạc anh bị bệnh nặng nhưng chị N không quan tâm, chăm sóc từ đó anh bỏ về bên anh sống anh chị ly thân từ năm 2013 cho đến nay anh xác định thời gian ly thân 06 năm nay không còn hàn gắng lại được nữa anh xin ly hôn.

Chị N thống nhất lời khai của anh M về thời gian sống chung, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân nhưng chị không đồng ý ly hôn vì chị chờ T con chị chấp hành hình phạt tù xong về rồi giải quyết ly hôn.

Qua làm việc chính quyền địa phương và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh M chị N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh M xử cho anh M và chị N được ly hôn là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình công bố năm 2014.

[4] Về con chung: Anh M yêu cầu hai cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 13/11/1989, Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/4/1992 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 18/12/2005 hỏi ý kiến cháu theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét về con chung: Từ ngày ly thân đến nay chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh P ổn định và vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con; hơn nữa qua hỏi ý kiến của cháu P nguyện vọng của cháu muốn sống chung với chị N nên giao cháu P cho chị N nuôi để thuận lợi trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển toàn diện nhân cách đảm bảo quyền lợi và lợi ích tốt nhất cho cháu P. Anh M hiện nay bị bệnh không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con nên việc giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với hai cháu Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Việc cấp dưỡng nuôi con do anh M hiện nay không có thu nhập ổn định hơn nữa anh bị bệnh nặng, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh M chị N khai không có.

[8] Về án phí: Anh M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chị N không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình công bố năm 2014; Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn M xử cho anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao Cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 18/12/2005 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Nguyễn Văn C, sinh ngày 13/11/1989, Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/4/1992 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung**:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung**:** Anh M chị N khai không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0019316 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Hưởng

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Lưu : Tập án ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- PV 27